

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn
Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông La Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông La Văn H quen biết nhau do mai mối, có tổ chức tiệc cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì về ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng chung sống. Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sau này bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi vã, có nhiều lần hăm dọa nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân khoảng 07 năm nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông La Văn H. Về con chung: Bà và ông H có 04 con chung tên La Tỷ H1, sinh ngày 01/01/1984, La Chúc P, sinh ngày 16/01/1986, La Tuyết L, sinh ngày

20/4/1989 và La Hoàng A, sinh ngày 01/01/1994 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy khai ngày 13/6/2024 của Tòa án đối với bị đơn ông La Văn H, ông H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị T quen biết nhau do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng sinh sống. Cách đây khoảng 07 năm giữa ông và bà T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và gia đình, nên vợ chồng đã sống ly thân 07 năm nay. Ông đã nhiều lần năn nỉ vợ nhưng bà T cương quyết không sống chung với ông đến nay đã 07 năm, vợ chồng sống riêng tư, mạnh ai nấy sống. Nay bà T cương quyết ly hôn ông cũng đồng ý thuận tình ly hôn với bà T. Về con chung: ông và bà T có với nhau tất cả 04 người con chung tên La Tỷ H1, sinh ngày 01/01/1984, La Chúc P, sinh ngày 16/01/1986, La Tuyết L, sinh ngày 20/4/1989 và La Hoàng A, sinh ngày 01/01/1994. Hiện các con đều đã trưởng thành. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H. Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Bà T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên không xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 85, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (tương ứng với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông La Văn H có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H đều thống nhất trình bày ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, người con lớn nhất của ông, bà là ông La Tỷ H1, sinh ngày 01/01/1984 và do ông bà không có đăng ký kết hôn nên khi bà T đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân thì được Ủy ban nhân dân xã C đã xác nhận ông bà không có đăng ký kết hôn là sự thật, điều này thể hiện bà T và ông H đã chung sống như vợ chồng từ năm 1982 theo lời đương sự trình bày là phù hợp. Do bà T, ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982, trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực) mà không có đăng ký kết hôn, nên trường hợp của bà T, ông H được xác định là hôn nhân thực tế, quan hệ hôn nhân được công nhận kể từ ngày các bên xác lập quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân 07 năm nay. Sau khi ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm thăm hỏi nhau. Bà T, ông H đều thống nhất ly hôn, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giải quyết cho bà T, ông H được ly hôn với nhau.

[3] Về con chung: Đương sự thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên La Tỷ H1, sinh ngày 01/01/1984, La Chúc P, sinh ngày 16/01/1986, La Tuyết L, sinh ngày 20/4/1989 và La Hoàng A, sinh ngày 01/01/1994, các con đều trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên không xử lý.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 85 và Điều 91 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 (tương ứng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014); điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông La Văn H.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết về con chung do đã thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên không xử lý.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp